SAO Y : UBND TP Uông Bí ; 08/9/2023

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1887/TB-UBND	*Uông Bí, ngày 08 tháng 9 năm 2023*

THÔNG BÁO

Danh sách viên chức đủ điều kiện thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp có vốn góp của chủ sở hữu thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Công văn số 2407/UBND-TKTH ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí;

Căn cứ Công văn số 1689/SNV-CCVC ngày 06/9/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí;

Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí thông báo danh sách viên chức đủ điều kiện thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Tổng số hồ sơ viên chức tham gia dự thi: 28 hồ sơ
2. Số hồ sơ viên chức đủ điều kiện: 28 hồ sơ

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí thông báo tới viên chức có tên theo danh sách nêu trên biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận: - CT, các PCT UBND thành phố; - Phòng Nội vụ thành phố; - Thí sinh dự thi; - Cổng thông tin điện tử thành phố; - Lưu: VT, NV.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Phạm Tuấn Đạt**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III

(Kèm theo Thông báo số 1887/TB-UBND ngày 08/9/2023 của UBND thành phố Uông Bí)

TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV hoặc tương đương	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Ghi chú
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp dự thi	
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
	A	**KHỐI GIÁO DỤC**															
	I	**CẤP MẦM NON**															
1	1	Đoàn Thị Huyền Trang		14/6/1986	Nhân viên kế toán	Trường Tiểu học Yên Thanh	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/3/2021	Đại học nganh Kế toán doanh nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1	Kế toán viên	
2	2	Nguyễn Thị Hà		18/3/1982	Nhân viên kế toán	Trường Mầm non Bắc Sơn	01/12/2009	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/12/2022	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
3	3	Nguyễn Thị Nhiệm		19/11/1988	Nhân viên kế toán	Trường Mầm non Phương Nam	01/12/2009	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/6/2022	Cử nhân Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Quản trị tài chính-KT)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A	Kế toán viên	

TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV hoặc tương đương	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Ghi chú
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp dự thi	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4	4	Đỗ Thị Thu Lương		07/10/1982	Nhân viên kế toán	Trường Mầm non Quang Trung	01/6/2009	01/5/2020	6	3,65	06.032	01/11/2022	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
5	5	Vũ Thị Ngọc		15/9/1986	Nhân viên kế toán	Trường Mầm non Yên Thanh	01/6/2010	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/12/2021	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
6	6	Đoàn Thị Hạnh		06/8/1982	Nhân viên kế toán	Trường Trung học cơ sở Yên Thanh	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/9/2021	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
7	7	Nguyễn Thị Thùy Liên		05/12/1983	Nhân viên kế toán	Trường Mầm non Trưng Vương	01/12/2009	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/12/2022	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
8	8	Trần Thị Trang		02/10/1984	Nhân viên kế toán	Trường Tiểu học Phương Đông A	01/6/2009	01/5/2020	6	3,65	06.032	01/5/2023	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
	II	**CẤP TIỂU HỌC**															
9	1	Phạm Thu Hà		06/4/1982	Nhân viên kế toán	Trường Trung học cơ sở Phương Đông	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/9/2021	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	

TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV hoặc tương đương	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Ghi chú
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp dự thi	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
10	2	Trần Thị Nên		08/02/1983	Nhân viên kế toán	Trường Tiểu học Trưng Vương	01/3/2008	01/5/2020	6	3,65	06.032	01/5/2023	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
11	3	Nguyễn Thị Hương		14/6/1980	Nhân viên kế toán	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/9/2021	Đại học ngành Kế toán doanh nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
12	4	Phí Thị Thu Huyền		12/3/1985	Nhân viên kế toán	Trường Tiểu học Mần non Thanh Sơn	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/9/2021	Cử nhân Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Quản trị tài chính-Kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A	Kế toán viên	
13	5	Phạm Thị Thu Hương		09/02/1981	Nhân viên kế toán	Trường Mầm non Đồng Chanh	01/12/2009	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/12/2022	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	

TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV hoặc tương đương	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Ghi chú
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp dự thi	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
14	6	Phạm Quỳnh Trang		19/6/1984	Nhân viên kế toán	Trường Mầm non Nam Khê	01/3/2008	01/5/2020	6	3,65	06.032	01/5/2023	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
15	7	Đặng Thị Huyền		23/10/1979	Nhân viên kế toán	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	01/3/2008	01/5/2020	6	3,65	06.032	01/5/2023	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	Kế toán viên	
16	8	Nguyễn Thị Hạnh		01/11/1986	Nhân viên kế toán	Trường Tiểu học Trần Phú	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/9/2021	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
	III	CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ															
17	1	Trương Thị Hải		25/12/1981	Nhân viên kế toán	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Cừ	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/9/2021	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	

TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV hoặc tương đương	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Ghi chú
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp dự thi	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
18	2	Phạm Thị Thanh Hương		21/01/1981	Nhân viên kế toán	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/9/2021	Cử nhân Kế toán	Trung cấp	Anh A2	Kế toán viên	
19	3	Nguyễn Thu Hường		20/7/1976	Nhân viên kế toán	Trường Trung học cơ sở Trưng Vương		01/5/2020	6	3,65	06.032	01/11/2022	Cử nhân Kinh tế (ngành Kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	Kế toán viên	
20	4	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		16/6/1982	Nhân viên kế toán	Trường Trung học cơ sở Phương Nam	01/6/2009	01/5/2020	6	3,65	06.032	01/11/2022	Cử nhân Kinh tế (ngành Kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
21	5	Nguyễn Thị Tú Uyên		13/4/1978	Nhân viên kế toán	Trường Tiểu học Phương Đông B	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/9/2021	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	Kế toán viên	
22	6	Phạm Thị Hương		02/02/1985	Nhân viên kế toán	Trường Mầm non Thượng Yên Công	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/9/2021	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	

TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV hoặc tương đương	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Ghi chú
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp dự thi	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
23	7	Đoàn Thị Thanh Hường		10/11/1988	Nhân viên kế toán	Trường Tiểu học Phương Nam B	01/9/2008	01/5/2020	5	3,34	06.032	01/9/2021	Cử nhân Quản trị kinh doanh (ngành Quản trị tài chính-Kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	Kế toán viên	
24	8	Vũ Thị Hằng		11/6/1982	Nhân viên kế toán	Trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng	01/4/2008	01/5/2020	6	3,65	06.032	01/5/2023	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B	Kế toán viên	
	IV	CẤP TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ															
25	1	Bùi Thị Oanh		17/01/1986	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Điền Công	01/6/2012	01/5/2020	4	3,03	06.032	01/5/2023	Cử nhân Kế toán	B	Anh A	Kế toán viên	

TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV hoặc tương đương	Ngày, tháng, năm xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Ghi chú
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp dự thi	
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
	V	**TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP-GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**															
26	1	Đoàn Thị Bích Ngọc		01/01/1970	Nhân viên Kế toán	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên	01/4/1993	01/5/2020	10	4,89	06.032	01/5/2022	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung trình độ C	Kế toán viên	
	B	**KHỐI SỰ NGHIỆP**															
27	1	Nguyễn Thị Hạnh		21/8/1982	Nhân viên Kế toán	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	01/3/2008	01/5/2020	6	3,65	06.032	01/5/2023	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A	Kế toán viên	
28	2	Nguyễn Thị Thu Hà		21/7/1978	Nhân viên Kế toán	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	01/4/2008	01/5/2020	6	3,65	06.032	01/7/2022	Cử nhân Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	Kế toán viên	

Danh sách này ấn định có 28 người./.